TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 446/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Phó

Ông Tạ Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 511/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TT B, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Đoàn Nhựt T1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp TT B, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Đoàn Nhựt T1 sống chung với nhau vào năm 2007, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2015 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do anh T1 có tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên cờ bạc rượu chè, về nhà đánh đập vợ con,

sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 03 con chung tên Đoàn Thị Ngọc T2, sinh ngày 23/11/2007, cháu Đoàn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/8/2009 và cháu Đoàn Nhựt C, sinh ngày 09/10/2014. Chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Đoàn Nhựt T1 trình bày:

Chị T xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Có 03 con chung tên Đoàn Thị Ngọc T2, sinh ngày 23/11/2007, cháu Đoàn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/8/2009 và cháu Đoàn Nhựt C, sinh ngày 09/10/2014. Anh đồng ý theo nguyện vọng của con. Nếu con sống với anh thì anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng, con sống chung chị T thì anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T xin vắng mặt, bị đơn anh T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn dù đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên bị đơn chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Thị Ngọc T2, sinh ngày 23/11/2007, cháu Đoàn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/8/2009 và cháu Đoàn Nhựt C, sinh ngày 09/10/2014 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Nhựt T1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đoàn Nhựt T1 có nơi cư trú tại ấp TT B, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T vắng mặt có đơn xin, anh Đoàn Nhựt T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T1, chị T

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 002 ngày 05/01/2008 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Giữa chị T và anh T1 không tự hàn gắn được và dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay.

Thấy rằng, giữa chị T và anh T1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T và anh T1 đã sống ly thân hơn 01 năm, trong thời gian sống ly thân và cho đến nay các cháu Đoàn Thị Ngọc T2, sinh ngày 23/11/2007, cháu Đoàn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/8/2009 và cháu Đoàn Nhựt C, sinh ngày 09/10/2014 vẫn đang sống chung với chị T, và nguyện vọng của các cháu đều mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên cần thiết giao các cháu Đoàn Thị Ngọc T2, sinh ngày 23/11/2007, cháu Đoàn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/8/2009 và cháu Đoàn Nhựt C, sinh ngày 09/10/2014 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Nếu sau này anh T1 và chị T có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đoàn Nhựt T1

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Ngọc T2, sinh ngày 23/11/2007, cháu Đoàn Thị Ngọc D, sinh ngày 13/8/2009 và cháu Đoàn Nhựt C, sinh ngày 09/10/2014 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003802 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ
Đỗ Thị Hồng Quyên